TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN
TẠP CHÍ KHOA HỌC
ĐẠI HỌC SÀI GÒN
ISSN 1859 - 3208
Số 79 (01/2022)

SAIGON UNIVERSITY
SCIENTIFIC JOURNAL
OF SAIGON UNIVERSITY
No. 79 (01/2022)

Email: tcdhsg@sgu.edu.vn ; Website: http://sj.sgu.edu.vn/

VAI TRÒ CỦA ANH ĐỐI VỚI SỰ KIỆN 30 THÁNG 9 NĂM 1965 Ở INDONESIA

Britain's role towards the Thirtieth of September 1965 Movement in Indonesia

ThS.NCS. Văn Kim Hoàng Hà
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

TÓM TẮT

Lịch sử Indonesia hiện đại có nhiều vấn đề cần được các sử gia nghiên cứu, một trong số đó là sự kiện 30 tháng 9 năm 1965 (G30S). Đây là sự kiện đánh dấu sự chuyển giao quyền lực giữa thời kỳ Trật tự cũ và Trật tự mới. Sự kiện này có nhiều nhân tố trong và ngoài nước tác động đến. Khi nói đến những nhân tố nước ngoài tác động đến sự kiện này phải nói đến Anh. Thông qua bài viết này, tác giả muốn làm rõ lợi ích của Anh ở Indonesia trong thời gian kể từ sau khi giành độc lập cho đến khi sự kiện G30S diễn ra. Tiếp theo, tác giả cũng muốn làm rõ động thái của Anh trước, trong và sau khi sự kiện G30S bùng nổ. Từ đó, có thể thấy rằng Anh có vai trò khá quan trọng trong sự kiện này, đặc biệt thông qua hoạt động tình báo và tuyên truyền.

***Từ khóa**: Anh, Indonesia, Phong trào 30 tháng 9 năm 1965*

ABSTRACT

In the modern Indonesian history, there are many issues that need to be studied by historians, one of which is The Thirtieth of September 1965 Movement (G30S). This event marked the transfer of power between the Old Order and the New Order period. This event was affected by many domestic and foreign factors. When it comes to foreign factors affecting this event, Britain must be mentioned. Through this article, the author wants to indicate Britain's interests in Indonesia from the time after independence until the G30S event, then clarifying Britain's moves before, during and after the outbreak of the G30S event. From that, it can be seen that Britain played a rather important role in this event, especially through intelligence and propaganda activities.

***Keywords**: Britain, Indonesia, the Thirtieth of September 1965 Movement*

Đặt vấn đề

Lịch sử Indonesia thời kỳ hiện đại còn nhiều vấn đề cần được làm rõ. Một trong số đó là sự kiện 30 tháng 9 năm 1965 (G30S). Đây là sự kiện đánh dấu sự chuyển giao quyền lực giữa thời kỳ Trật tự cũ và Trật tự mới. Sự kiện này cũng đánh dấu sự tan rã và chấm dứt hoạt động của Đảng cộng sản Indonesia - một đảng rất quan trọng trên thế giới cũng như khu vực lúc bấy giờ. Thế nhưng, cho đến nay, động cơ và ai là người ra lệnh cho Untung thực hiện hành động này cũng như những nhân tố đằng sau ủng hộ cho sự kiện này ra sao, vẫn chưa được chính quyền Indonesia khẳng định. Sự kiện này có liên quan đến quân đội, Tổng thống Soeharto, Tổng thống Soekarno và ĐCS Indonesia nên

Email: vankimhoangha84@gmail.com

chính quyền Indonesia cũng như các nhà nghiên cứu trong nước luôn thận trọng khi viết về sự kiện này. Đây là một trong những sự kiện để lại nhiều nghi vấn trong lịch sử Indonesia thời kỳ hiện đại.

Thông qua bài viết, tác giả muốn làm rõ lợi ích của Anh ở Indonesia trong thời gian kể từ sau khi giành độc lập cho đến khi sự kiện G30S diễn ra. Qua đó, tác giả làm rõ động thái của Anh trước, trong và sau khi sự kiện G30S bùng nổ.

1. Lợi ích của Anh ở Indonesia

Vào thời kỳ cận hiện đại, Anh là một trong những thực dân giàu có và có những thuộc địa rộng lớn ở khu vực Đông Nam Á như Myanmar, Malaysia, Indonesia. (M.C. Ricklefs, 2007). Tuy nhiên, sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, cường quốc này suy yếu trên mọi lĩnh vực từ kinh tế cho đến an ninh - quốc phòng. Do đó, Anh phải đưa ra sách lược mới để đảm bảo lợi ích kinh tế ở các nước thuộc địa của mình.

Tháng 1 năm 1946, chính sách của Anh đối với châu Á tập trung vào an ninh của các lãnh thổ thuộc Anh, cũng như mối quan hệ tốt đẹp giữa khối thịnh vượng chung và khu vực. Tuy nhiên, đơn vị Kế hoạch Viễn Đông của Văn phòng Thuộc địa đã thừa nhận sau sáu năm chiến tranh ở châu Âu và Thái Bình Dương, sức mạnh của Anh đang yếu dần đi. Do đó, Anh không thể khôi phục lại toàn bộ sức mạnh và tầm ảnh hưởng của mình như thời kỳ trước chiến tranh. Vì vậy, Anh đã phải duy trì và sử dụng các nguồn lực của mình một cách hiệu quả nhất (Sue Thompson, 2015).

Tuy nhiên, có ít nhất hai khó khăn tiềm tàng mà người Anh phải đối mặt ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai. *Một là* thái độ chống thực dân ở khu vực và *hai là* Anh cần duy trì quan hệ chặt chẽ với các nước láng giềng Pháp và Hà Lan. Trong đó, lợi ích của Anh ở khu vực Đông Nam Á phụ thuộc nhiều vào sự ổn định của khu vực này nên Anh đã tìm cách giữ vai trò hàng đầu trong việc giải quyết những mâu thuẫn, xung đột giữa người dân bản địa với các đồng minh của Anh (Sue Thompson, 2015). Anh đã rất quan tâm đến Đông Nam Á nói chung và Indonesia nói riêng vì Anh có nhiều lợi ích gắn liền với vùng đất này.

Về mặt địa kinh tế, Indonesia có giá trị chiến lược đối với Anh cả về kinh tế và địa lý. Anh lúc bấy giờ có lợi ích kinh doanh ở Indonesia, bao gồm 40% cổ phần hoặc ít nhất 100 triệu bảng tại Royal Dutch Shell, nơi kiểm soát 3/4 sản lượng dầu trước chiến tranh. Năm 1959, đầu tư của Anh vào Indonesia đã đạt 300 triệu bảng. Eo biển Malacca được coi là quan trọng đối với Anh vì khu vực này cũng là một điểm quan trọng kết nối với thế giới bên ngoài thông qua đường biển và đường hàng không (Akhmad Muawal Hasan, 2017).

Vào những năm 1960, Anh tiếp tục theo đuổi vai trò chính trị và quân sự toàn cầu, đặc biệt là ở Đông Nam Á. Chính sách sau chiến tranh của Anh đối với khu vực này là tập trung vào công cuộc tái thiết và phát triển kinh tế các lãnh thổ của Anh và một số quốc gia thuộc Khối thịnh vượng chung (Ceylon, Ấn Độ, Pakistan, Australia và New Zealand). Indonesia và một số quốc gia Đông Nam Á trong thập niên 1960 được coi là đối tượng chiến lược quan trọng về mặt kinh tế vì đây là nơi sản xuất chính một số mặt hàng quan trọng và chiếm vị trí quan trọng trên tuyến đường giao thương quốc tế cũng như kiểm soát các tuyến đường biển và đường hàng không quan trọng (Curtis, Mark, 2017). Thương mại quốc tế của Anh ở châu Á đã đem lại nguồn lợi nhuận to lớn cho đất

nước này - một yếu tố quan trọng trong công cuộc tái thiết sau Chiến tranh thế giới thứ hai của Anh.

Sau khi giành độc lập, Soekarno có tầm nhìn đặc biệt đối với nguồn tài nguyên của Indonesia và được nhiều người ủng hộ, ông muốn nhà nước kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Ngay sau khi tuyên bố độc lập, Soekarno đã bắt đầu quá trình quốc hữu hóa các công ty Hà Lan hoặc ban hành các quy định về quản lý đất đai trong bối cảnh cải cách nông nghiệp. Đầu những năm 1950, các chính sách cấp tiến của ông đã trở thành mối đe dọa đối với các nhà đầu tư phương Tây vào quần đảo này. Cả Anh và Mỹ đều không muốn mất nguồn lợi lớn từ nguồn tài nguyên phong phú nơi đây (Paul Lashmar & James Oliver, 1998).

Năm 1961, Tổng thống Soekarno tích cực sửa đổi chính sách quản lý các mỏ dầu và công ty nước ngoài ở Indonesia, ví dụ như tối thiểu 60% lợi nhuận của các công ty dầu khí nước ngoài phải được phân bổ cho người dân Indonesia. Từ đó, hầu hết trong số họ, đã thất vọng với các quy định của Soekarno (Rudi Hartono, 2013). Do đó, kế hoạch lật đổ Soekarno đã được thực hiện nhằm có thể khai thác tài nguyên của Indonesia. Việc này sẽ đem lại lợi nhuận lớn cho Anh, giúp Anh có thể thoát khỏi nợ nần trong chiến tranh và phục hồi trở lại.

Về mặt địa chiến lược, Đông Nam Á nói chung và Indonesia nói riêng có ý nghĩa quan trọng đối với an ninh của Australia, New Zealand, Ấn Độ và Myanmar cũng như các khu vực phụ thuộc của Anh như Hồng Kông, Papua, New Guinea và Fiji. Do đó, an ninh của các khu vực này sẽ được đảm bảo thông qua việc bảo vệ thành công lợi ích của Anh ở Đông Nam Á và Tây Nam Thái Bình Dương. Tuy nhiên, Indonesia có nền kinh tế và chính trị đều theo xu hướng chống thực dân và chính sách đối ngoại cũng như chính sách đối nội của Soekarno thiên về cộng sản, điều này làm cho Anh lo lắng. Do vậy, đối với Anh và Mỹ, mối quan tâm chính là việc loại bỏ Soekarno khỏi chính trường Indonesia. Vì hai nước này lo sợ Indonesia sẽ rơi vào tay cộng sản, từ đó ảnh hưởng đến những lợi ích kinh tế của họ. (Paul Lashmar & James Oliver, 1998).

Ngoài ra, cả Anh và Mỹ lo sợ chủ nghĩa cộng sản lan rộng khắp khu vực Đông Nam Á. Điều quan trọng đối với Anh là phải kiềm chế sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản và duy trì vị thế là một cường quốc thế giới và là đối tác chính của Mỹ cũng như tiếp tục gây sức ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ (Sue Thompson, 2015).

Tuy nhiên, mục đích hiện diện quân sự của Anh trong khu vực không phải để tham gia vào xung đột quân sự trực tiếp với Trung Quốc. Mục tiêu dài hạn của Anh là hướng đến một "Đông Nam Á trung lập" với hi vọng để đảm bảo tốt nhất khu vực này không trở thành khu vực chống phương Tây (Sue Thompson, 2015).

Việc theo đuổi chính sách trung lập đòi hỏi phải tháo dỡ các căn cứ quân sự. Vì vậy, Anh không thể ở lại quá lâu, nhưng cũng không thể rời đi quá sớm. Ý tưởng chính đằng sau quá trình trung lập là đưa khu vực vào vị thế ổn định hơn. Tuy nhiên, đã có những cách hiểu khác nhau về sự trung lập. Kiểu trung lập được nêu ở trên không như Soekarno mong muốn. Ông muốn chứng kiến sự hình thành của một khối Á - Phi độc lập, chống thực dân. Do đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 1965, Anh tiếp tục đóng một vai trò nhất định trong việc bảo vệ Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, Anh cũng phối hợp với Mỹ nhằm tác động đến chính sách của Mỹ để đạt được mục tiêu cuối cùng, đó là sự trung lập (Sue Thompson, 2015). Thompson cho rằng ảnh hưởng của Anh ở Đông Nam Á hầu như chỉ dựa vào sức mạnh quân sự. Tuy nhiên, với mục tiêu trên, Anh không thể ở lại Singapore lâu dài và phải lên kế hoạch rút quân theo từng giai đoạn (Sue Thompson, 2015).

Ngoài ra, Anh từng cai trị vùng đất Malaysia trong một thời gian dài. Anh nhận thức rõ tầm quan trọng của Malaysia nói riêng và Đông Nam Á nói chung. Chính vì vậy sau 1945, nguy cơ mất miếng mồi ngon này đã khiến Anh liên tục tìm cách quay trở lại. Từ đó, ý tưởng thành lập Liên bang Malaysia đã ra đời, nhưng thực chất ý tưởng này đã tồn tại trước đó từ năm 1942. Trước những thời cơ thuận lợi và những tình huống khó khăn bắt buộc Anh vẫn kiên quyết thành lập Liên bang Malaysia. Đối với Anh, việc thành lập Liên bang Malaysia sẽ giúp giảm các cam kết quân sự thông qua việc tăng sự ổn định khu vực. Tuy nhiên, nó tạo ra kết quả ngược lại. Anh cam kết bảo vệ Liên bang Malaysia. Khi Liên bang ra đời cũng đồng nghĩa Anh đã đẩy Malaysia và Indonesia trở nên đối đầu. Thậm chí, có thể thấy mối quan hệ giữa Anh và Indonesia cũng xấu đi.

Từ đó, có thể dễ hiểu tại sao Anh ủng hộ Malaysia mạnh mẽ trong cuộc đối đầu với Indonesia về việc thành lập Liên bang Malaysia. Ngoài ra, Anh cũng liên kết với Mỹ nhằm để đạt được những mục tiêu đã đề ra. Tất cả mọi động thái của Anh đều đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu.

2. Động thái của Anh đối với Indonesia trong giai đoạn 1945-1965

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Anh là một trong những đồng minh của Hà Lan. Chính vì vậy, khi Hà Lan quay trở lại tái chiếm Indonesia, Anh cũng tham gia vào sự điều đình giữa Indonesia và Hà Lan với vai trò là nhân tố thứ ba. Hà Lan sẽ chi trả cho tất cả các hoạt động cũng như vũ khí và trang thiết bị đã được Anh sử dụng. Ngoài ra, Hà Lan cũng bảo đảm lợi ích thương mại của Anh tại Indonesia, được điều hành bởi các công ty tư nhân như đồn điền Anh - Hà Lan và Harrison & Crossfield (Rohani Ab. Ghani, 2012).

Đồng thời, người Hà Lan quay lại Indonesia và kiểm soát một số vùng của Indonesia. Sau đó, Anh đã giao lại lãnh thổ Indonesia (trừ Java và Sumatra) cho Hà Lan vào tháng 7 năm 1946. Việc Anh chiếm đóng Indonesia sau chiến tranh trên thực tế dựa trên Thỏa thuận Portsdam năm 1945. Thỏa thuận này quy định các lực lượng bên ngoài ở Indonesia được chuyển giao cho Anh thay vì cho Mỹ (Rohani Ab. Ghani, 2012).

Anh với vai trò đồng minh của Mỹ và Hà Lan đã can thiệp vào quá trình trao trả độc lập hoàn toàn cho Indonesia một cách tích cực và có hiệu quả. Mặc dù Anh còn đang bận rộn với những hậu quả cả về kinh tế lẫn chính trị do Chiến tranh thế giới thứ hai để lại, nhưng Anh vẫn cố gắng hoàn thành "vai trò thế giới" của mình. Bên cạnh đó, Anh đã nhận thức vị trí quan trọng của Indonesia trên bản đồ chính trị thế giới cũng như lợi ích của đất nước này đối với kinh tế Anh. Chính vì vậy, Anh phải duy trì sự có mặt ở đất nước này.

Như vậy, Anh giúp Hà Lan không chỉ vì mục tiêu duy trì di sản thuộc địa trên bờ biển châu Á dựa trên lợi ích chính trị và kinh tế, mà còn vì mối quan hệ tốt đẹp giữa Anh và Hà Lan, kể từ trước chiến tranh và tiếp tục là sau chiến tranh, đồng thời đó

cũng là nhiệm vụ của Anh được các nước phương Tây giao phó để tránh tình trạng "khoảng trống quyền lực" ở Indonesia sau khi quân phát xít Nhật rút khỏi đây (Rohani Ab. Ghani. 2012).

Năm 1946 là năm chứng kiến hoạt động ngoại giao của các bên như Anh, Indonesia và Hà Lan để giải quyết cuộc xung đột. Indonesia đã thể hiện thiện chí để tìm kiếm một giải pháp thông qua các cuộc đàm phán. Anh đã cử một vài nhân vật có khả năng thương thuyết để giải quyết xung đột hai bên. Ngày 26/8/1946, Lord Killearn, Phó thống đốc cai quản thuộc địa của Anh ở Đông Nam Á, đang làm việc ở Singapore đã đến Jakarta. Ông đã thành công trong việc thuyết phục hai bên ký kết Hiệp ước Linggajati. Một trong những nội dung quan trọng đó là Hà Lan thừa nhận chủ quyền của Indonesia trên những vùng đất như Java, Madura và Sumatra (Rohani Ab. Ghani, 2012). Sau đó, Anh tiếp tục đóng vai trò là các đặc vụ hòa giải giữa Hà Lan và Indonesia trong một loạt cuộc đàm phán chính trị, cuối cùng đã dẫn đến Hội nghị Bàn tròn vào ngày 27 tháng 12 năm 1949 tại The Hague. Kết quả là Hà Lan chấp thuận trao trả chủ quyền cho Indonesia (giai đoạn này Indonesia có tên gọi là Cộng hòa Liên Bang Indonesia) trừ vùng đất Tây Irian Jaya (C. Snit, 1986). Kể từ đó, Indonesia chính thức trở thành một nước độc lập trên chính trường quốc tế.

Như vậy, Anh với vai trò đồng minh của Mỹ và Hà Lan đã can thiệp vào quá trình trao trả độc lập hoàn toàn cho Indonesia. Anh đóng vai trò là một nhà trung gian tích cực và có hiệu quả. Mặc dù, còn đang bận rộn với những hậu quả cả về kinh tế lẫn chính trị do Chiến tranh thế giới thứ hai để lại, Anh đã nhận thức được vị trí quan trọng của Indonesia trên bản đồ chính trị thế giới cũng như lợi ích của đất nước này đối với kinh tế Anh. Do đó, sự can thiệp của Anh đối với nền chính trị Indonesia là bắt nguồn từ lợi ích kinh tế chiến lược của Anh và các nước đồng minh, đặc biệt là Mỹ. Ngoài ra, Anh cũng muốn hỗ trợ Hà Lan trong việc tái xâm chiếm Indonesia.

3. Động thái của Anh đối với Indonesia trong sự kiện 30 tháng 9 năm 1965 (G30S)

Sự liên quan của Anh đối với sự kiện G30S là cả một quá trình lịch sử lâu dài trước và sau sự kiện này. Tuy nhiên, chứng cứ thể hiện Anh liên quan đến sự kiện này không nhiều. Thực chất, Anh có liên quan đến kế hoạch lật đổ Soekarno và tiêu diệt ĐCS ở Indonesia. Những gì Anh thực hiện là nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế ở Indonesia chủ yếu thông qua công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) và Công ty Đông Ấn Anh (EIC). Còn lợi ích chính trị của Anh ở Indonesia thực chất có liên quan đến kế hoạch thành lập Liên bang Malaysia, đến cuộc đối đầu giữa Indonesia và Malaysia.

Do vậy, kế hoạch lật đổ Soekarno không chỉ liên quan đến Mỹ mà còn có Anh. Mỹ và Anh nhận thấy Soekarno sẽ đưa Indonesia đến gần hơn với chủ nghĩa cộng sản. Nhìn thấy trước điều đó, Anh bắt đầu tận dụng cuộc xung đột giữa Indonesia và Malaysia để tiến hành hàng loạt sự kiện gây chia rẽ nội bộ Indonesia và gia tăng mâu thuẫn giữa Indonesia và Malaysia.

Qua các nguồn tư liệu, các nhà nghiên cứu cho rằng có ba bằng chứng cho thấy sự can thiệp của Anh trong việc lật đổ Soekarno và tiêu diệt ĐCS Indonesia như sau:

Thứ nhất, ***bản ghi nhớ của CIA vào tháng 6 năm 1962***, nêu rõ âm mưu "xóa sổ Tổng thống Soekarno, tùy thuộc vào tình

hình và các cơ hội có sẵn". Tuy nhiên có sự hiểu nhầm giữa CIA và M16 trong kế hoạch này. CIA đã hiểu rằng "xóa sổ" là tiêu diệt Soekarno, trong khi đó M16 chỉ muốn loại bỏ quyền lực của Soekarno (Lashmar, Paul & Oliver, James, 1998).

Thứ hai, ***Tài liệu Gilchrist*** (Andi Ardan, 2001). Tài liệu này chỉ là một bức điện tín của Đại sứ Anh tại Jakarta có tên Andrew Gilchrist gửi đến Văn phòng Bộ Ngoại giao Anh, đề cập đến một kế hoạch chung về sự can thiệp của quân đội Mỹ - Anh tại Indonesia (Asvi Warman Adam, 2009). Đây được coi là yếu tố kích hoạt sự kiện 30 tháng 9 năm 1965 (Muhammad Syafii, 2011).

Thứ ba, pamflet số đặc biệt *"Kenjataan2 Pada Kudeta 30 September"*. Tài liệu này vừa được công khai và được đề cập đến trên phương tiện truyền thông Anh *The Guardian*.

Vào những năm 1960, thông qua bộ ngoại giao Anh, cơ quan tình báo Anh và Cơ quan tình báo Mỹ có trụ sở tại Singapore liên kết với nhau và lên kế hoạch chống lại Soekarno. Cơ quan tình báo Mỹ (CIA) đã phối hợp chặt chẽ với Cơ quan tình báo Anh (M16) nhằm chia sẻ thông tin tình báo lẫn nhau nhưng mục tiêu của họ khác nhau. CIA xúi giục quân đội Indonesia thoát khỏi Đảng Cộng sản Indonesia, trong khi đó M16 muốn chấm dứt cuộc đối đầu giữa Malaysia và Indonesia. Tuy nhiên, Anh đã bị Mỹ thuyết phục lo cho mục tiêu trước mắt đó là tiêu diệt Đảng Cộng sản Indonesia (Tempo, 2015).

Ngoài ra, Anh hoan nghênh cuộc đối đầu giữa Indonesia và Malaysia vì Anh xem đó là một cơ hội để tiêu diệt chủ nghĩa dân tộc Indonesia (Tempo.co, 2015). Tuy nhiên, ý định lật đổ Soekarno không đạt được vì Kennedy từ chối các yêu cầu của Anh để ngăn chặn tất cả viện trợ cho chính phủ Soekarno. Vì vậy, sau khi Kennedy bị ám sát ở Dallas ngày 22 tháng 11 năm 1963, Thủ tướng Anh Alec Douglas-Hume (1963-1964) đã vội sang Mỹ. Tại đám tang, ông và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ David Dean Rusk (1961-1969) đã hội đàm và thống nhất hành động chống lại Indonesia.

Tuy nhiên, khi James Harold Wilson lên nắm quyền Thủ tướng vào tháng 10 năm 1964, họ đã thay đổi chiến thuật. Khi hàng chục binh sĩ Anh đối đầu với lực lượng quân đội Indonesia ở Kalimantan để bảo vệ Malaysia, các đặc vụ MI6 đã liên hệ với một số đối tượng và thiết lập quan hệ chặt chẽ với một số tướng thuộc giới chóp bu quân sự Indonesia trong quân đội Indonesia thông qua Đại sứ Anh (Mark Curtis), một trong số đó là Ali Moertopo, nhằm thực hiện mục tiêu của mình, đó là hạ bệ Soekarno. Chính hoạt động tình báo này của Anh được cho là đã thổi bùng sự kiện năm 1965 (Akhmad Muawal Hasan, 2017).

Sau đó, Bộ ngoại giao Anh đã triệu tập Reddaway (Cục trưởng Cục tình báo Anh) để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt này (Curtis, Mark, 2017). Đại sứ Anh tại Indonesia, Andrew Gilchrist, kêu gọi sớm thực hiện hoạt động tuyên truyền và chiến tranh tâm lý để làm trầm trọng hơn các tranh chấp ở Indonesia và đảm bảo kế hoạch quân đội Indonesia tiêu diệt ĐCS Indonesia (Rudi Hartono, 2013).

Mùa thu năm 1965, Joe Garner, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh mời Norman Reddaway đến văn phòng của ông. Sau đó, Garner đã trao cho Reddaway một khoản tiền 100.000 bảng và giao nhiệm vụ cho ông, đó là làm mọi thứ để loại bỏ Soekarno. Trong thời kỳ đó, Anh chủ yếu thực hiện tuyên truyền chống Indonesia từ

trụ sở khu vực Đông Nam Á của M16 tại Phoenix Park, Singapore (Tempo.co, 2015). Từ đó, Anh lên kế hoạch hành động chia làm hai giai đoạn chủ yếu xoay quanh các hoạt động tình báo do thám và tuyên truyền chống phá.

Giai đoạn đầu tiên là kéo Soekarno ra khỏi sức mạnh to lớn của ĐCS Indonesia. Vì ĐCS Indonesia vào thời điểm đó tuyên bố có ba triệu đảng viên và là đảng cộng sản không cầm quyền lớn nhất thế giới. Do vậy, Đảng này là một căn cứ phòng thủ vững chắc của Soekarno.

Bộ Ngoại giao Anh đã đồng ý và thực hiện sứ mệnh này với hai chủ đề tuyên truyền chính. *Một là*, ĐCS Indonesia không tốt đẹp như người dân Indonesia nghĩ. IRD (Cơ quan nghiên cứu thông tin thuộc Bộ Ngoại giao Anh) và M16 thông qua các phương tiện truyền thông địa phương và quốc tế tường thuật về tác động của những hành động cộng sản cực đoan đang gây ra thương vong lớn cho người dân địa phương. *Hai là*, có sự can thiệp của Trung Quốc vào phong trào ĐCS Indonesia ở Indonesia. Mục đích chính của IRD và M16 nhằm vào những người gốc Hoa ở Indonesia có liên quan đến ĐCS Indonesia. Hậu quả là họ cũng trở thành mục tiêu bị truy bắt trong giai đoạn 1965-1967 (Akhmad Muawal Hasan, 2017).

Giai đoạn thứ hai, loại bỏ Soekarno và làm sắc nét hình ảnh của một nhà lãnh đạo vĩ đại có mối quan hệ mật thiết với ĐCS Indonesia, để từ đó có thể kết luận rằng Soekarno cũng tham gia vào cuộc đảo chính đẫm máu G30S (Akhmad Muawal Hasan, 2017).

Để thực hiện kế hoạch này, bên cạnh việc triệu tập Reddaway, Bộ ngoại giao Anh đã cử Wynne, một nhà ngoại giao đặc biệt cùng với đội của mình gồm 7 người, vừa được tiết lộ trên *The Guradian* (Paul Lashmar, Nicholas Gilby và James Oliver, 2021), nhận nhiệm vụ viết truyền đơn với nội dung kêu gọi Indonesia bài trừ ĐCS Indonesia. Đội của Wynne phải đánh lừa được công chúng Indonesia, để họ tin những nhà yêu nước Indonesia đã viết những truyền đơn này. Một trong những minh chứng quan trọng đó là tập hồ sơ *"Kenjataan2 Pada Kudeta 30 September"*.

Kết quả tuyên truyền của Anh đã thành công. Anh đã thực hiện một điều khủng khiếp đó là kích động người Indonesia nổi dậy và tàn sát người dân Trung Quốc (Roland Challis, 2001). Ngoài ra, Anh cũng làm xấu đi hình ảnh của ĐCS Indonesia đối với quần chúng, góp phần thúc đẩy sự kiện G30S diễn ra, từ đó tiến đến cuộc thảm sát hàng loạt đảng viên ĐCS Indonesia cũng như lật đổ được Tổng thống Soekarno. Những kết quả này là hoàn toàn đúng với mục đích cuối cùng của Anh.

Sau sự kiện, chính phủ Anh cũng không công bố bất kỳ tài liệu chính thức nào cho thấy Anh có liên quan đến các sự kiện xảy ra ở Indonesia trong thời gian đó. Tuy nhiên, lần đầu tiên, sau 61 năm kể từ khi sự kiện G30S diễn ra, truyền thông Anh đã đưa những thông tin xoay quanh sự kiện này, trong đó có đề cập đến sự tham gia của Anh đối với G30S thông qua những hồ sơ lưu trữ mới được công khai. (Tim Detikcom, 30/10/2021).

Thông qua, ba nguồn tài liệu trên có thể nhận định rằng, Anh là một trong số các cường quốc nước ngoài có động lực muốn thay đổi nền chính trị ở Indonesia. Rõ ràng, Anh có liên quan đến sự kiện G30S. Tuy nhiên, sự liên quan này không nhiều như Mỹ và Anh can thiệp gián tiếp thông qua hoạt động tình báo và tuyên truyền.

Có thể nói, Mỹ và Anh muốn thay thế chính phủ theo cánh tả của Indonesia. Tuy nhiên, Anh quan tâm đến lợi ích trước mắt hơn, đó là hiện thực hóa việc thành lập Liên bang Malaysia (Baskara T. Wardaya, SJ., 2009). Bởi vì nếu liên bang này được thành lập, lợi ích của Anh ở Malaysia nói riêng và Đông Nam Á nói chung mới có thể được đảm bảo.

Kết luận

Như vậy, vai trò của Anh đối với sự kiện G30S chủ yếu trong lĩnh vực tuyên truyền và tình báo. Anh thông qua đại sứ quán Anh ở Indonesia cũng như cơ quan tình báo Anh M16 đóng tại Singapore có kế hoạch hành động rõ ràng và chắc chắn. Tuy nhiên, điều này mang tính bí mật, để không tổn hại đến quan hệ giữa Anh và Indonesia. Anh có hành động như thế vì lo ngại mối quan hệ gần gũi giữa ĐCS Indonesia và Tổng thống Soekarno sẽ làm tổn hại đến quyền lợi kinh tế của Anh ở Indonesia. Vì vậy, Anh có những hành động can thiệp vào nội bộ của Indonesia, tất cả đều xuất phát từ lợi ích kinh tế và chính trị, cũng có nghĩa là, trong chính sách đối nội lẫn đối ngoại cuối cùng lợi ích quốc gia luôn được đặt lên hàng đầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Adam, Asvi Warman (2009). *Pelurusan Sejarah Indonesia.* Yogyakarta: Nxb. Ombak.

Akhmad Muawal Hasan (2017, ngày 28 tháng 9). I*nggris juga Tunggangi G30S untuk Gulingkan Soekarno*. Truy xuất từ https://tirto.id/inggris-juga-tunggangi-g30s-untuk-gulingkan-Soekarno-cxlc.

Baskara T. Wardaya, SJ. (2009). *Membongkar Supersemar!: dari CIA hingga kudeta merangkak melawan Bung Karno*. Yogyakarta: Galang Press.

C. Snit. (1986). *Dekolonisasi Indonesia: Fakta dan Ulasan*. Jakarta: Pustaka Azet.

Curtis, Mark (2017, ngày 1 tháng 2). US and British complicity in the 1965 slaughters in Indonesia. *Third World Resurgence, Issue 137, 2002.* Truy xuất từ http://markcurtis.info/2007/02/01/us-and-british-complicity-in-the-1965-slaughters-in-indonesia/ .

Edward C. Keefer (Ed.). (2008). *Dokumen CIA, Melacak Penggulingan Soekarno dan Konspirasi G30S 1965.* Jakarta: Hasta Mitra.

Greg Poulgrain (2015). *The Incubus of Intervention: Conflicting Indonesian Strategies of John F. Kennedy and Allen Dulles.* Malaysia: Strategic Information and Reseach Development Centre.

Lashmar, P & Oliver, J. (1998, ngày 01 tháng 12). *How we destroyed Soekarno.* Truy xuất từ https://www.independent.co.uk/arts-entertainment/how-we-destroyed-Soekarno-1188448.html .

Muhammad Syafii (2011). *Dokumen Penyebab Malapetaka: Sebuah Kajian Sejarah Sosial.* Jakarta: Pusaka Harapan.